

— Mỗi người chỉ được hưởng trợ cấp thù lao theo một chức vụ. Trường hợp giữ nhiều chức vụ, thì được chọn hưởng mức trợ cấp thù lao nào cao nhất cấp cho các chức vụ ấy.

— Ủy ban Hành chính xã cần đảm bảo cấp cả định suất hay nửa định suất cho cán bộ được trợ cấp thù lao.

— Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận sẽ căn cứ vào các chức vụ do xã đề nghị và đã được chuẩn y mà cấp tiền cho xã vào cuối tháng để trợ cấp cho cán bộ xã.

— Ủy ban Hành chính các khu tự trị, thành phố, tỉnh cần hướng dẫn cho các huyện, châu, quận phân loại các xã miền đồng bằng và trung du, miền núi rẻo thấp, miền núi rẻo cao, đồng thời quy định số người được trợ cấp thù lao và số tiền thù lao ở mỗi loại xã. Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận căn cứ vào những quy định của Ủy ban Hành chính Khu tự trị, thành phố, tỉnh, sẽ chỉ đạo các Ủy ban Hành chính và Hội đồng nhân dân xã thảo luận cụ thể vấn đề này để đề nghị xét duyệt các chức vụ được hưởng trợ cấp thù lao ở xã. Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận sẽ xét duyệt các đề nghị cụ thể của xã.

#### 4. Thời gian thi hành:

Việc trợ cấp thù lao này cho cán bộ xã bắt đầu được thi hành kể từ ngày 1-1-1960. Những điều quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Việc trợ cấp thù lao cho cán bộ xã không phải là việc trả lương cho cán bộ xã. Nó nhằm giúp đỡ một số cán bộ xã vì bận công tác mất nhiều thời giờ sản xuất, giải quyết một phần khó khăn trong sinh hoạt. Bản thân cán bộ xã phải cố gắng sắp xếp thời giờ tham gia sản xuất, tự giải quyết đời sống cho bản thân và gia đình mình. Các cấp cần phổ biến kỹ cho cán bộ xã hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc trợ cấp thù lao để cán bộ xã thấy rõ sự quan tâm của Đảng, Chính phủ đối với anh chị em, đề động viên và đề cao tinh thần phục vụ của anh chị em. Mặt khác, cũng cần giáo dục cho nhân dân thấy rõ trách nhiệm của mình hơn nữa đối với việc chăm sóc, giúp đỡ cán bộ xã trong công tác và sinh hoạt.

Nhận được thông tư này, các Ủy ban Hành chính Khu tự trị, thành phố, tỉnh cần có kế hoạch hướng dẫn cụ thể cho địa phương mình thi hành; nếu gặp khó khăn, trở ngại gì thì xin báo cáo về Thủ tướng phủ và Bộ Nội vụ để giải quyết.

Hà nội, ngày 11 tháng 11 năm 1959

T. L. Thủ tướng Chính phủ  
Bộ trưởng Thủ tướng phủ

NGUYỄN KHANG

**NGHỊ ĐỊNH số 407-TTg ngày 13-11-1959**  
sửa đổi nghị định số 145-TTg ngày 15-3-1958 quy định tạm thời thể lệ thu phí tồn sửa đường.

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 145-TTg ngày 15 tháng 3 năm 1958 về việc thu phí tồn sửa đường;

theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện và Bộ Tài chính;

#### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay sửa đổi điều 4 và 5 nghị định số 145-TTg ngày 15-3-1958 như sau:

« Điều 4 mới. — Mức phí tồn sửa đường đối với mỗi loại xe như sau:

1. Xe ô-tô vận tải hàng hóa và chở hành khách trọng tải:

— Từ 1 tấn 5 trở xuống: 15đ một tháng.

— Từ 1 tấn 6 đến 2 tấn 5: 30đ —

— Từ 2 tấn 6 đến 5 tấn: 60đ —

— Trên 5 tấn: 90đ —

2. Xe ô-tô du lịch, kể cả com-măng-ca và dip: 7đ50 —

3. Xe mô-tô các loại, kể cả vét-spa: 2đ00 —

4. Xe thô sơ do súc vật kéo: 2đ00 một tháng.

« Điều 5 mới. — Đối với tất cả các loại xe, phí tồn sửa đường nộp tháng một, vào 5 ngày đầu tháng.»

Điều 2. — Các điều khoản trong nghị định này bắt đầu thi hành từ 1 tháng 1 năm 1960.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 13 tháng 11 năm 1959

K. T. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng  
PHẠM HÙNG

#### LIÊN BỘ

GIAO THÔNG và BƯU ĐIỆN — CÔNG AN

**NGHỊ ĐỊNH số 102-NĐ ngày 6-11-1959**  
ban hành điều lệ quản lý máy thu, phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện, đèn công suất và các cơ sở sản xuất, sửa chữa, mua bán máy thu, phát và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN  
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ nghị định số 344-TTg ngày 25-9-1959 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý máy thu, phát, phụ tùng

www.ThuVienPhapLuat.com  
+849-384-688-096

LawSoft



máy phát vô tuyến điện, đèn công suất và các cơ sở sản xuất, sửa chữa mua bán máy thu, phát và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện;

Đề đảm bảo thông tin liên lạc bằng vô tuyến điện được tốt và để bảo vệ công cuộc kiến thiết kinh tế, đề phòng những phần tử xấu lợi dụng phương tiện thông tin vô tuyến điện làm điều phi pháp;

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay ban hành điều lệ quản lý máy thu, phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện, đèn công suất và các cơ sở sản xuất, sửa chữa, mua bán máy thu, phát và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện kèm theo nghị định này.

**Điều 2.** — Các ông Chánh văn phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện Bộ Giao thông và Bưu điện, Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Trị an dân cảnh Bộ Công an và Ủy ban Hành chính các tỉnh và thành phố có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 6 tháng 11 năm 1959

Bộ trưởng  
Bộ Công an

TRẦN QUỐC HOÀN

Bộ trưởng Bộ Giao thông  
và Bưu điện

NGUYỄN VĂN TRẦN

## ĐIỀU LỆ

quản lý các máy thu, phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện, đèn công suất và các cơ sở sản xuất, sửa chữa, mua bán máy thu, phát và phụ tùng máy thu phát vô tuyến điện.

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** — Bản điều lệ này quy định các chi tiết thi hành nghị định số 344-TTg ngày 25-9-1959 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý máy thu, phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện, đèn công suất và các cơ sở sản xuất, sửa chữa, mua bán máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện.

**Điều 2.** — Điều lệ này không áp dụng đối với máy thu phát vô tuyến điện sử dụng vào nghiệp vụ của các cơ quan Quân sự, Công an và Bưu điện.

### II. KÊ KHAI VÀ XIN GIẤY CHỨNG NHẬN CÁC LOẠI MÁY THU VÔ TUYẾN ĐIỆN (THU THANH, THU TIN, THU HÌNH VÀ KHUẾCH ĐẠI PHÓNG THANH V.V...)

**Điều 3.** — Các tổ chức hay cá nhân có các loại máy thu, vô tuyến điện (thu thanh, thu hình, thu tin, khuếch đại phóng thanh) dùng đèn điện tử hay chất bán dẫn, cố định hay lưu động (kể cả những máy lắp trên xe hỏa, ô tô, tàu thủy v.v...) đều phải kê khai và xin giấy chứng nhận tại Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố.

**Điều 4.** — Thủ tục kê khai và xin giấy chứng nhận như sau:

a) Người có máy (hay người được ủy quyền nếu là máy của một tổ chức) phải tự mình kê khai (theo mẫu in sẵn của Bưu điện) tại Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố để xin giấy chứng nhận;

b) Các tổ chức hay cá nhân nếu ở xa Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố mà có máy thì sẽ kê khai tại các Bưu cục gần nơi mình ở để nhờ chuyển đến Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố xin giấy chứng nhận;

c) Thủ tục phí xin giấy chứng nhận là một hào (0đ10).

**Điều 5.** — Các tổ chức hay cá nhân nếu có máy trước ngày ban hành điều lệ này thì phải kê khai và xin giấy chứng nhận xong trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thi hành điều lệ. Nếu có máy sau ngày thi hành điều lệ này thì phải kê khai và xin giấy chứng nhận xong trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mua máy.

**Điều 6.** — Những máy cố định nếu di chuyển đến một tỉnh khác hay thành phố khác thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đến chỗ mới, tổ chức hay cá nhân có máy đó phải đưa giấy chứng nhận cũ đến Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố xin đổi giấy chứng nhận mới.

**Điều 7.** — Các tổ chức hay cá nhân có máy thu thanh thô sơ bằng ga-len được miễn kê khai và xin giấy chứng nhận.

### III. ĐẶT VÀ SỬ DỤNG MÁY PHÁT VÔ TUYẾN ĐIỆN

**Điều 8.** — Các tổ chức hay cá nhân muốn đặt và sử dụng máy phát vô tuyến điện bất luận công suất lớn hay nhỏ, bất luận dùng vào mục đích gì trên lãnh thổ nước Việt nam dân chủ cộng hòa đều phải làm đơn xin phép nộp tại Tổng cục hoặc Sở, Ty Bưu điện để chuyển lên Bộ Giao thông và Bưu điện xét cấp giấy phép. Chỉ khi nào được cấp giấy phép mới được lắp đặt và sử dụng. Giấy phép này thay giấy phép mua máy phát vô tuyến điện.

**Điều 9.** — Đơn xin phép đặt và sử dụng máy phát vô tuyến điện phải đầy đủ những điểm sau đây:

- Mục đích đặt máy;
- Vị trí và trụ sở đặt máy (có sơ đồ);
- Vị trí và quy cách cột thiên tuyến (có sơ đồ);
- Quy cách máy phát;
- Công suất phát;
- Giai tần số hòa mạch;
- Loại nghiệp vụ;
- Đặc tính nguồn điện và công suất cung cấp điện;
- Chương trình hoạt động và phạm vi hoạt động.



**Điều 10.** — Các tổ chức hay cá nhân có máy phát vô tuyến điện trước ngày ban hành điều lệ này phải làm đơn xin phép và kê khai theo đúng quy định ở điều 8 và điều 9 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thi hành điều lệ này để xét định việc cấp giấy phép. Trong khi chờ đợi xét cấp giấy phép, việc tiếp tục sử dụng sẽ do Bộ Giao thông và Bưu điện quyết định.

**Điều 11.** — Các tổ chức hay cá nhân được phép đặt và sử dụng máy phát vô tuyến điện, mỗi khi muốn thay đổi một trong những điều quy định ở điều 9 (di chuyển trụ sở, thay đổi vị trí thiên tuyến, thay đổi nghiệp vụ v.v...) phải được phép của Bộ Giao thông và Bưu điện mới được thay đổi.

#### IV. SẢN XUẤT, SỬA CHỮA, MUA BÁN MÁY THU, PHÁT VÀ PHỤ TÙNG MÁY THU, PHÁT VÔ TUYẾN ĐIỆN

**Điều 12.** — Các tổ chức hay cá nhân muốn mở hiệu sản xuất, sửa chữa, mua bán máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện đều phải xin phép tại Sở, Ty Công an tỉnh hay thành phố, nơi mở hiệu. Chỉ khi nào được cấp giấy phép mới được mở hiệu sản xuất, sửa chữa, mua bán.

**Điều 13.** — Thủ tục xin phép phải làm đầy đủ như sau :

- Một đơn xin phép làm nghề ;
- Một bản lý lịch người chịu trách nhiệm chính có kèm theo 3 tấm ảnh mới chụp (cỡ 4×6 phân, không đội mũ, nghiêng mặt 2/3 về phía trái) ;
- Một bản danh sách người làm công trong hiệu ;
- Một bản kê khai phương tiện, dụng cụ dùng để sản xuất sửa chữa, mua bán.

**Điều 14.** — Các tổ chức hay cá nhân được phép mở hiệu sản xuất, sửa chữa, mua bán máy và phụ tùng máy thu phát vô tuyến điện đều phải mở sổ thống kê, sổ xuất nhập hàng theo mẫu hướng dẫn của Sở, Ty Công an tỉnh hay thành phố nơi mở hiệu.

**Điều 15.** — Nếu trong sản xuất muốn thay đổi mẫu mực, quy cách sản phẩm đã kê khai, thì chủ hiệu sản xuất phải xin phép Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố. Chỉ khi nào được phép mới được thay đổi.

**Điều 16.** — Các tổ chức hay cá nhân đã mở hiệu sản xuất, sửa chữa, mua bán máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện từ trước ngày ban hành điều lệ này, đều phải làm đơn xin phép như quy định ở điều 12 và 13 và kê khai các loại máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện đã có tại Sở, Ty Công an tỉnh hay thành phố nơi mở hiệu trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thi hành điều lệ này.

Trong khi chờ đợi xét cấp giấy phép, các hiệu nói trên vẫn được tiếp tục kinh doanh.

**Điều 17.** — Muốn mua máy phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện và đèn công suất phải làm đúng thủ tục như sau :

a) Mua máy phát vô tuyến điện phải có giấy phép lắp đặt và sử dụng quy định ở điều 8 ;

b) Những hiệu mua bán, sửa chữa máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện đã được phép mở hiệu kinh doanh, mỗi khi muốn mua máy phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện, đèn công suất, để bán hay sửa chữa, đều phải mang sổ xuất nhập hàng đến trình Sở, Ty Bưu điện để xét và chứng nhận mới được mua.

c) Các tổ chức hay cá nhân được phép sử dụng máy phát, khi máy bị hỏng muốn mang đến hiệu để sửa chữa, đều phải kê khai rõ tại Sở, Ty Bưu điện bộ phận hỏng, tình trạng bị hỏng, để xin giấy chứng nhận sửa chữa hay xin giấy chứng nhận mua bộ phận mới.

d) Các tổ chức hay cá nhân có các loại máy thu vô tuyến điện hay các loại máy có dùng đèn công suất gặp trường hợp đèn công suất bị hỏng, muốn mua đèn mới, phải mang đèn hỏng đến nộp cho hiệu bán hay hiệu sửa chữa và đưa giấy chứng nhận, giấy chứng minh để chủ hiệu ghi vào sổ.

Hàng tháng các hiệu sẽ đem sổ đèn hỏng này nộp cho Sở, Ty Bưu điện.

**Điều 18.** — Các tổ chức hay cá nhân được phép mở hiệu sản xuất, sửa chữa, mua bán máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện chỉ được mua bán và sửa chữa máy phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện và đèn công suất cho những người có giấy phép đã quy định ở điều 8 và điều 17.

#### V. DỰ TRỮ, VẬN CHUYỂN MÁY PHÁT, PHỤ TÙNG MÁY PHÁT VÔ TUYẾN ĐIỆN VÀ ĐÈN CÔNG SUẤT

**Điều 19.** — Chỉ những hiệu được phép sản xuất, sửa chữa, mua bán máy và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện mới được dự trữ máy phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện và đèn công suất, số lượng dự trữ phải phù hợp với số lượng đã xuất nhập hàng và các chứng từ về sản xuất, sửa chữa và mua bán.

**Điều 20.** — Các tổ chức hay cá nhân có máy phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện và đèn công suất (kể cả đèn công suất dùng trong các loại máy chiếu điện, máy chiếu phim, máy cầu-ni-lông v.v...) phải kê khai tại Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thi hành điều lệ này để xét định việc sử dụng.

**Điều 21.** — Muốn vận chuyển máy phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện và đèn công suất, các tổ chức hay cá nhân đều phải xin giấy phép vận



chuyển tại Sở, Ty Bưu điện tỉnh hay thành phố. Sau khi có giấy phép mới được vận chuyển.

Những trường hợp sau đây thì không phải xin giấy phép vận chuyển của Sở, Ty Bưu điện:

a) Vận chuyển từ cửa hiệu bán hay sửa chữa về đến nhà thì được dùng giấy phép quy định ở điều 8 và điểm c ở điều 17.

b) Khi đi chuyển trụ sở thì được dùng giấy phép di chuyển quy định ở điều 11.

c) Các cơ quan quân sự, Công an và Bưu điện khi di chuyển máy phát và phụ tùng máy phát thì được dùng giấy chứng nhận di chuyển của cơ quan đó.

## VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 22.** — Các Sở, Ty Bưu điện và Sở, Ty Công an tỉnh hay thành phố có trách nhiệm kiểm soát việc thi hành điều lệ này.

Về nghiệp vụ kỹ thuật, Sở, Ty Bưu điện có nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên các máy phát vô tuyến điện đã được cấp giấy phép quy định ở điều 8, để chứng nghiệm các việc cần thiết.

**Điều 23.** — Cơ quan Bưu điện và Công an làm nhiệm vụ kiểm soát có trách nhiệm lập biên bản và tạm giữ các máy thu, phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện và đèn công suất do việc sử dụng, sản xuất, sửa chữa, mua bán dự trữ và vận chuyển không hợp pháp.

**Điều 24.** — Những hành động vi phạm đến những điều quy định trong điều lệ này sẽ bị trừng phạt theo điều 5 nghị định số 344-TTg ngày 25-9-1959 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 25.** — Điều lệ này thi hành bắt đầu từ ngày 1-12-1959, các điều khoản quy định từ trước trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Ban hành kèm theo nghị định số 102-NĐ ngày 6-11-1959 của Liên bộ Giao thông và Bưu điện và Công an.

Hà nội, ngày 6 tháng 11 năm 1959

Bộ trưởng

Bộ trưởng Bộ Công an

- Bộ Giao thông và Bưu điện

TRẦN QUỐC HOÀN

NGUYỄN VĂN TRẦN

## TƯ PHÁP — TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

**THÔNG TƯ** số 92-TC ngày 11-11-1959 giải thích và qui định cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà nội, Hải phòng và Vinh.

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP  
CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Kính gửi: Các ông Chánh án các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà nội, Hải phòng và Vinh.

Các ông Chánh án các Tòa án nhân dân tỉnh và thành phố thuộc quản hạt của các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà nội, Hải phòng và Vinh

Đồng kính gửi: Các Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố thuộc địa hạt các Tòa án nhân dân phúc thẩm Hà nội, Hải phòng và Vinh.

Ngày 14-8-1959, Thủ tướng Chính phủ đã ra nghị định số 300-TTg tổ chức các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà nội, Hải phòng và Vinh. Nay Liên bộ giải thích và qui định chi tiết thi hành nghị định đó như sau:

### A. VỊ TRÍ CỦA CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN PHÚC THẨM HÀ NỘI, HẢI PHÒNG VÀ VINH

Sau khi bỏ các Khu hành chính ở đồng bằng và trung du, hướng tổ chức của các Tòa án là: dần dần xây dựng Tòa án nhân dân huyện thành Tòa án nhân dân sơ thẩm, xây dựng Tòa án nhân dân tỉnh thành Tòa án nhân dân Phúc thẩm để đi tới bỏ các Tòa án nhân dân Phúc thẩm khu. Trong khi chưa xây dựng được các Tòa án nhân dân huyện thành Tòa án nhân dân sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh chưa trở thành Tòa án nhân dân Phúc thẩm thì vẫn cần phải giữ lại cấp Tòa án nhân dân Phúc thẩm hiện nay. Tuy nhiên để làm cho tổ chức của các Tòa án nhân dân Phúc thẩm được gọn và hợp lý, Thủ tướng Chính phủ đã ra nghị định dời 6 Tòa án nhân dân Phúc thẩm cũ ở đồng bằng và trung du thành 3 Tòa án nhân dân Phúc thẩm đóng trụ sở ở Hà nội, Hải phòng và Vinh.

Các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà nội, Hải phòng và Vinh là một cấp Tòa án ở giữa Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố và Tòa án nhân dân Tối cao. Tuy nhiên, vị trí của các Tòa án nhân dân Phúc thẩm có điểm cần phải chú ý là: sau khi bỏ khu hành chính ở đồng bằng và trung du,